

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CƠ KHÍ TNC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CƠ KHÍ TNC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502472530

**3. Ngày thành lập:** 24/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 140/12/6 Lưu Chí Hiếu, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0967 449 030

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: lắp đặt hệ thống cách điện, cách nhiệt, cách âm;                                                                                                                                                                                                                  | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Thi công công trình dân dụng, công nghiệp và cầu đường, thủy lợi và các công trình khác; Lắp dựng và dỡ bỏ giàn giáo;                                                                                                                                        | 4390     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết : Mua bán máy móc, thiết bị điện , vật liệu điện ( máy phát điện , động cơ điện , dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ); Mua bán máy móc, thiết bị dùng trong gia công cơ khí như: máy hàn , máy mài, máy cắt , máy phay, máy tiện..., | 4659     |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Mua bán sắt thép , Ống thép , kim loại màu , (mua bán kết cấu thép , thép phôi , sắt thép xây dựng , ống kim loại , khung nhôm , khung đồng)                                                                                                                | 4662     |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết : Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                                                                                                                                            | 4669     |
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;                                                                                                                                                               | 7110     |
| 8.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường)                                                                                                                                                                            | 2511     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 9.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại<br>(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường )                                                                             | 2512                                                         |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(Không hoạt động trong khu dân cư, Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi đủ điều kiện theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường)                                                          | 2592                                                         |
| 11. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                                                                                                                                      | 2811                                                         |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết : Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng ; Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ                                                                                                            | 4933                                                         |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết : Cho thuê máy móc , thiết bị xây dựng                                                                                                           | 7730                                                         |
| 14. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                  | 7820                                                         |
| 15. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                      | 3311                                                         |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                  | 3312                                                         |
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                     | 3320                                                         |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                           | 4101                                                         |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                     | 4102                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: xây dựng kết cấu công trình; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng công cộng, hạ tầng kỹ thuật.                                                    | 4299(Chính)                                                  |
| 21. | Phá dỡ<br>Chi tiết: Phá dỡ nhà dân dụng, nhà xưởng và các công trình xây dựng;                                                                                                                                                              | 4311                                                         |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng)                                                                                                                                                            | 4312                                                         |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                       | 4321                                                         |
| 24. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | DƯƠNG NAM       | Việt Nam  | Kp Thị Vải, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | 3.267.000.000         | 33,000    | 066090000176                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN PHI THỨC | Việt Nam  | Thôn 8, Xã Ea Păn, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam                     | 3.366.000.000         | 34,000    | 240983762                                                                                               |         |
| 3   | HỒ VĂN CÔNG     | Việt Nam  | Xóm 5, Xã Hưng Lĩnh, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam              | 3.267.000.000         | 33,000    | 040089038415                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN PHI THỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 240983762

Ngày cấp: 29/05/2019 Nơi cấp: Công An tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ thường trú: Thôn 8, Xã Ea Păn, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 8, Xã Ea Păn, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu